

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27

Group 418
Round 7
Board 1

WHITE Hong Mingren						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Casiguran Phil Martin						FED PHI			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nc5	Nc5	41	f4	M1	61	Kd6	Rd4
2	Nf3	Nc6	22	d4	Nc6	42	Ra2	Rd4	62	Kc7	Rd4
3	Bd5	a6	23	Nc4	d4	43	Bb5	Rb7	63	Rd8	Rc4
4	Bxf4	Nb6	24	Qd7	Rd7	44	Ra5	Rb2+	64	Rd6	Ke7
5	d3	B5	25	Pe4	Rb6	45	Kf3	Rb4	65	Rd6	Rd4
6	0-0	b5	26	Rd1	Pe6	46	Ke4	Rg1	66	Rh6	Rd4
7	Bb3	d6	27	Bc6	Rd8	47	Ra7	g6	67	Ke8	Rc4
8	c3	h6	28	Rd4	Rd8	48	Rc7	Kf8	68	c7	h4
9	h3	0-0	29	Ra4	Pe7	49	Rd7	Ke7	69	Kb7	Rd4
10	Re1	Rc8	30	Re3	Rd2	50	Pe6+	Ke6	70	Rh6	
11	Nd2	Bb6	31	b3	Kf8	51	Rc6+	Kf7	71		
12	Bc2	Ne7	32	c4	h5	52	c5	Rh3	72		
13	Nh1	Ng6	33	h4	Rd1+	53	Rc7	Ke6	73		
14	Nf3	Bb7	34	Kh2	Rd4	54	d6	Rh1	74		
15	d4	a5	35	g3	Rd2	55	Rd8	Rd1+	75		
16	Rd3	Qd7	36	Kf2	Ke7	56	Kd3	Rc1	76		
17	a4	Bb6	37	Kf1	Rd2	57	Kd4	f6	77		
18	Bc1	ba	38	Rd2	Rd1+	58	Qf	Kh6	78		
19	Bc2	Bb5	39	Kf2	Rd1	59	Kh5	Rd1+	79		
20	Qd2	d5	40	Rc2	Re1	60	Kc5	Rd1+	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group 418
Round 7
Board 1

WHITE Hong Mingren						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Casiguran Phil Martin						FED PHI			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nc5	Nc5	41	f4	M1	61	Kd6	Rd4
2	Nf3	Nc6	22	d4	Nc6	42	Ra2	Rd4	62	Kc7	Rd4
3	Bd5	a6	23	Nc4	d4	43	Bb5	Rb7	63	Rd8	Rc4
4	Bxf4	Nb6	24	Qd7	Rd7	44	Ra5	Rb2+	64	Rd6	Ke7
5	d3	B5	25	Pe4	Rb6	45	Kf3	Rb4	65	Rd6	Rd4
6	0-0	b5	26	Rd1	Pe6	46	Ke4	Rg1	66	Rh6	Rd4
7	Bb3	d6	27	Bc6	Rd8	47	Ra7	g6	67	Ke8	Rc4
8	c3	h6	28	Rd4	Rd8	48	Rc7	Kf8	68	c7	h4
9	h3	0-0	29	Ra4	Pe7	49	Rd7	Ke7	69	Kb7	Rd4
10	Re1	Rc8	30	Re3	Rd2	50	Pe6+	Ke6	70	Rh6	
11	Nd2	Bb6	31	b3	Kf8	51	Rc6+	Kf7	71		
12	Bc2	Ne7	32	c4	h5	52	c5	Rh3	72		
13	Nh1	Ng6	33	h4	Rd1+	53	Rc7	Ke6	73		
14	Nf3	Bb7	34	Kh2	Rd4	54	d6	Rh1	74		
15	d4	a5	35	g3	Rd2	55	Rd8	Rd1+	75		
16	Rd3	Qd7	36	Kf2	Ke7	56	Kd3	Rc1	76		
17	a4	Bb6	37	Kf1	Rd2	57	Kd4	f6	77		
18	Bc1	ba	38	Rd2	Rd1+	58	Qf	Kh6	78		
19	Bc2	Bb5	39	Kf2	Rd1	59	Kh5	Rd1+	79		
20	Qd2	d5	40	Rc2	Re1	60	Kc5	Rd1+	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.27-26

Group
Round 7
Board 2

WHITE Cu, Ivan Travis						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Tran, Ngoc Minh Duy						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	g4	Qe8	41	Nc2	Bg5	61	Qe5	b5
2	g3	c5	22	Qe4	Rat	42	Rd1	Qe5	62	Qe3	Nf5
3	c4	d5	23	Rxa1	Qe5	43	Qc3	Qe5	63	Kg3	Qe5
4	axd5	Nx18	24	c4	Rg8	44	Ke1	Nh5	64	Kf2	Qf5
5	Ng2	Nc6	25	Qe2	Nf7	45	Nf3	Qe4	65	Kg1	b4
6	Nc3	Nc7	26	Qe2	c5	46	Qe7	Kh4	66	Rg2	b3
7	a3	c5	27	f3	Rg8	47	Qf8	lg5	67	Rh2	lg7
8	b4	f6	28	a4	Nh6	48	Rd8	f5	68	Qe7	Qe5
9	b5	Nd4	29	Nh6	Kg8	49	Qe7	Kh4	69	Qd1	Qf8
10	Rb1	Rb8	30	Rc3	Qf4	50	Qf8	lg5	70	Qe7	lg8
11	d3	Rb8	31	a5	Qe7	51	Qe7	Kh4	71	Qe7	lg7
12	Nh2	b6	32	axb6	axb6	52	Kf2	Nh4	72	Qe7	Nf7
13	Nc4	d0	33	f4	esb4	53	Qf8	lg5	73	Kf2	Qe5
14	0-0	Rc6	34	Ra4	mg4	54	Qe7	Kh4	74	Kh2	Qh4
15	c3	Nf5	35	Kf4	Rg8	55	Qf8	lg5	75	lg1	Qe5
16	Qe2	Qe8	36	h4	Rg8	56	Qf8	Kh4	76	Ke1	Bg5
17	Rd1	Qh4	37	h1	mg4	57	Kf2	Nc6	77	Bd1	lg8
18	Rd2	Nh6	38	Rh4	Qe4	58	Qf8	Rg8	78	lg1	lg5
19	Rc1	Ng4	39	Ke1	Qe5	59	Rd1	Qe5	79	Kh2	Nf3
20	h3	Mh6	40	Qe5	lg7	60	Rd3	Qe5	80	lg2	Nc5
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U18
Round 7
Board 2

WHITE Cu, Ivan Travis						FED PHI			RESULT (W) 0		
BLACK Tran, Ngoc Minh Duy						FED VIE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 ²⁹	Nf6 ³⁰	21	g4 ¹⁷	Qe8 ²⁹	41	Nc2	Qe4	61	Qe5	b5
2	g3	c5 ³¹	22	Qe4 ⁴⁴	Ra8 ²³	42	Rd1	Qg4	62	Qe3	Nf5
3	c4	d5 ³⁰	23	Ba8 ²⁹	Qe8 ²⁴	43	Qe3	Qf5	63	Rg3	Qe5
4	cd	Nd5	24	e4	Rd8 ²³	44	Ke1	Nh5	64	Kf2	Qf5
5	Bg2	Nc6 ³¹	25	Qe2	Nf7 ²¹	45	Ng3	Qg4	65	Kg1	b4
6	Nc3	Nc7 ³⁰	26	Bd2	g6 ¹⁸	46	Qe7	Kf6	66	Rg2	b3
7	a3	e5 ¹³	27	f3 ²⁶	Bf8 ¹⁰	47	Qf8	Kg5	67	Rh2	Kg7
8	b4	f6 ⁸	28	a4 ²⁹	Nd6 ⁸	48	Rd5	f5	68	Qe7	Qf7
9	b5	Nd4	29	Nd6 ²³	Rd6 ⁹	49	Qe7	Kf6	69	Qd4	Qf6
10	Rb1	Be7 ⁵	30	Be3	Qd8	50	Qf8	Kg5	70	Qe7	Kg8
11	d3 ²⁸	Rb8 ⁰	31	a5 ²	Qd7	51	Qe7	Kf6	71	Qd8	Kg7
12	Nh2 ²⁵	b6 ⁵⁷	32	ab	ab	52	Kf2	Nd4	72	Qe7	Nf7
13	Nc4 ²⁰	0-0 ⁵⁵	33	f4	ef	53	Qf8	Kg5	73	Rf2	Qe5
14	0-0 ¹¹	Be6 ⁵⁴	34	Bf4	Bg4	54	Qe7	Kf6	74	Kh2	Qh5
15	e3 ¹³	Nf5	35	Bd6	Rd6	55	Qf8	Kg5	75	Kg1	Qe5
16	Qe2	Qe8 ⁵³	36	hg	Be5	56	Qd8	Kf6	76	Kf1	Qd5
17	Rd1 ⁴	Qh5 ⁵⁷	37	d4	Bd4	57	Kg2	Nc6	77	Qe1	Kg8
18	Bd2 ⁵⁵	Nh6 ⁴²	38	Rd4	Qd4	58	Qd6	f4	78	Kg1	Nf5
19	Be1 ⁵²	Ng4 ³³	39	Kf1	Qe3	59	Rd3	fg	79	Kh2	Nf3
20	h3 ⁵¹	Nh6	40	Qb3	Kg7	60	Rf3	c4	80	Kg2	Nc5
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
7
Board
2

WHITE Cu Han Travis						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Tran Nhoc Mkh Duy						FED VIE		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kg1	Nd3	21			41			61		
2	Re2	b2	22			42			62		
3	Qf1	Qg5	23			43			63		
4	K42	Q44	24			44			64		
5	Kg1	Qg4	25			45			65		
6	K42	Q45	26			46			66		
7	Kg3	Qg5	27			47			67		
8	K42	Kg7	28			48			68		
9	Re4	Q45	29			49			69		
10	Kg2	Qd5	30			50			70		
11	Qf3	Ne1	31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U18
Round
7
Board
2

WHITE Cu Han						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Tran Nhoc						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kg1	Nd3	21			41			61		
2	Re2	b2	22			42			62		
3	Qf1	Qg5	23			43			63		
4	K42	Q44	24			44			64		
5	Kg1	Qg4	25			45			65		
6	K42	Q45	26			46			66		
7	Kg3	Qg5	27			47			67		
8	K42	Kg7	28			48			68		
9	Re4	Q45	29			49			69		
10	Kg2	Qd5	30			50			70		
11	Qf3	Ne1	31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



Date Aug 26

Group	1818
Round	2
Board	

WHITE						FED			RESULT (W)		
BLACK						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	nt3	nt6	21	q83	be6	41	nt3	nt6	61		
2	q3	q6	22	be3	nt6	42	nt3	nt6	62		
3	b52	b57	23	nd4	nt6	43	nt3	nt6	63		
4	0-0	0-0	24	nd4	nt6	44	nt3	nt6	64		
5	re1	ds	25	ne3	cs	45	1-0		65		
6	ds	c6	26	nt3	q6	46			66		
7	nd4	nd7	27	nd4	nt6	47			67		
8	e4	dxes	28	be3	nt6	48			68		
9	dxes	nt5	29	be3	nt6	49			69		
10	q2	as	30	be3	nt6	50			70		
11	es	nt5	31	nd4	nt6	51			71		
12	nt1	b6	32	nt3	nt6	52			72		
13	q4	q6	33	be3	nt6	53			73		
14	q4	nt5	34	be3	nt6	54			74		
15	h3	ne	35	ra6	nt6	55			75		
16	q4	h5	36	ra1	nt6	56			76		
17	h5	q6	37	ra1	nt6	57			77		
18	exf	nt6	38	ra1	nt6	58			78		
19	bd	nt6	39	ra1	nt6	59			79		
20	bh	q5	40	ra1	nt6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



Date
27.8.2026

Group	B8
Round	7
Board	3

WHITE						FED		RESULT (W)			
Kao, Jamison Edrich						HKG		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Yu Zechen						CHN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Qg3	Ba6	41	Ng5	Kg6	61		
2	g3	g6	22	Bf4	Nf4	42	Nf3	Rb3	62		
3	Bg2	Bg7	23	Nd4	Qd7	43	Kf4	Rf2	63		
4	O-O	O-O	24	Ra4	Rae8	44	Be4		64		
5	Re1	d5	25	Ne3	c5	45			65		
6	d3	c6	26	Nd5	Qd1	46			66		
7	Nbd2	Nbd7	27	Rd1	Ne2	47			67		
8	e4	de	28	Kh2	Ng3	48			68		
9	de	Nc5	29	Kg3	Bc8	49			69		
10	Be2	a5	30	c4	Be6	50			70		
11	e5	Nd5	31	Rd6	Bf5	51			71		
12	Nf1	bb	32	Nf5	Rd8	52			72		
13	Qc4	Qc7	33	Bd5	Kh8	53			73		
14	Qh4	h5	34	Rb6	Rb8	54			74		
15	h3	Ne6	35	Ra6	Rb2	55			75		
16	g4	h9	36	Ra7	Ra2	56			76		
17	h9	f6	37	R57	Rd8	57			77		
18	ef	ef	38	Rc7	Rb8	58			78		
19	Bd2	Ndf4	39	Nh6	Re2	59			79		
20	Bh1	g5	40	Nf7	f7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

13/8-7-4
11:03
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27.8.2026

Group U18 Open
Round 7
Board 4

WHITE Pu, Yu						FED TPE		RESULT (W) 1/2			
BLACK Genivan Gonkessurran						FED MAS		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxg4	h5	41			61		
2	c4	e6	22	pxc4	hxc6	42			62		
3	Nf3	d5	23	Rx2	Rf3	43			63		
4	g3	c5	24	Na1	Rxc4	44			64		
5	Cxg3	exd5	25	Kf2	Rxg8	45			65		
6	O-O	Nc6	26	Ke1	Gt7	46			66		
7	Nc3	c4	27	Gf2	Qe7	47			67		
8	O-O	Be7	28	Gd2	Qr7	48			68		
9	Bg5	O-O	29	Gf2	Qe7	49			69		
10	Nc3	Bc6	30			50			70		
11	f4	Ng4	31			51			71		
12	Nf4	Br45	32			52			72		
13	frc5	Bxg5	33			53			73		
14	BAL3	Gx45	34			54			74		
15	pr4	Rad8	35			55			75		
16	a12	Nge7	36			56			76		
17	Bxc4	h5	37			57			77		
18	Bh3	Kh6	38			58			78		
19	e3	N44	39			59			79		
20	Nc4	Qe7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Yu			Genivan								

13/8-7-4
11:03
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
Round 7
Board 4

WHITE PUYU						FED TPE		RESULT (W) 0.5			
BLACK Grenkeswahan Genivan.						FED MAS		RESULT (B) 2.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxg4	h5	41			61		
2	c4	e6	22	pxc4	hxc6	42			62		
3	Nf3	d5	23	BL2	Rf3	43			63		
4	g3	c5	24	Rf1	Rxf1	44			64		
5	Cxd	exd	25	Kxf1	Rf8	45			65		
6	Bg2	Nc6	26	'Kd1	Qd7	46			66		
7	Nc3	c4	27	Qf2	'Qe7	47			67		
8	O-O	Be7	28	dd2	Qd7	48			68		
9	Bg5	O-O	29	Qf2	Kd7	49			69		
10	Nc3	Bc6	30			50			70		
11	f4	Ng4	31			51			71		
12	Nf4	Rx45	32			52			72		
13	fxc5	Bxg5	33			53			73		
14	BAL3	Gx45	34			54			74		
15	pr4	Rad8	35			55			75		
16	a12	Nge7	36			56			76		
17	Bxc4	h5	37			57			77		
18	Bh3	Kh6	38			58			78		
19	e3	N44	39			59			79		
20	Nc4	Qe7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Yu			Grenkeswahan								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug 27

Group B18
Round 7
Board 5

WHITE Chan, Wong Ip Boris						FED HKG			RESULT (W) 1/2		
BLACK Narsabal, Joemel P.						FED Phi			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be7	Rg8	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	O-O	Re8	42			62		
3	Bb5	g6	23	b3	Qc6	43			63		
4	c3	Nf6	24	Kf7	Bb7	44			64		
5	e5	Ng4	25	Qg3	Qc3	45			65		
6	d4	Qd4	26	Bb3	Re5	46			66		
7	Qd4	Qb6	27	Bb4	Bg6	47			67		
8	Bc4	d5	28	Rh1	Bb5	48			68		
9	Be2	h5	29	Bb5	Qb5	49			69		
10	Qc3	Nh6	30	h3	Re7	50			70		
11	Qd3	Nf5	31			51			71		
12	Qc3	Nh4	32			52			72		
13	Nh4	Nh4	33			53			73		
14	Bb4	Qb6	34			54			74		
15	Kd1	d4	35			55			75		
16	Nf5	Qb6	36			56			76		
17	Ng4	Bb7	37			57			77		
18	e2	fcb	38			58			78		
19	h4	Qc6	39			59			79		
20	Qd4	Qd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 27/8

Group B18
Round 7
Board 5

WHITE Chan, Wong Ip Boris						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Narsabal, Joemel						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe5	Rg8	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	O-O	Rc7	42			62		
3	Bb5	g6	23	b3	Qc6	43			63		
4	c3	Nf6	24	Qd2	Bb7	44			64		
5	e5	Ng4	25	Qd3	Qc3	45			65		
6	d4	Qd4	26	Qd3	Re5	46			66		
7	Qd4	Qb6	27	Qd4	Nh6	47			67		
8	Bc4	d5	28	Rh1	Bb5	48			68		
9	Be2	h5	29	Bb5	Qb5	49			69		
10	Qc3	Nh6	30	h3	Re7	50			70		
11	Qd3	Nf5	31			51			71		
12	Qc3	Nh4	32			52			72		
13	Nh4	Nh4	33			53			73		
14	Bb4	Qb6	34			54			74		
15	Kd1	d4	35			55			75		
16	Nf5	Qb6	36			56			76		
17	Ng4	Bb7	37			57			77		
18	e2	fcb	38			58			78		
19	h4	Qc6	39			59			79		
20	Qd4	Qd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.01/27

Group
018
Round
7
Board
6

WHITE N. Sodbilegt						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK Zhang, Haoxuan (ZS)						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	bc	Qa5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc6	Nb6	42			62		
3	d4	cd	23	c6	bc	43			63		
4	Nd4	NH6	24	Rb1	Kq7	44			64		
5	Nc5	a6	25	Nd8	Qc7	45			65		
6	Bg5	NH7	26	Nu		46			66		
7	Bd4	Qb6	27			47			67		
8	Qc5		28			48			68		
9	Qd5	e6	29			49			69		
10	Re1	cd	30			50			70		
11	Qd	Kd8	31			51			71		
12	Nc7	Qd5	32			52			72		
13	d4	Qa5	33			53			73		
14	Rh5	Bc7	34			54			74		
15	NH6	g+	35			55			75		
16	Re7	fg	36			56			76		
17	Qf7	Kc7	37			57			77		
18	Qq7	Rd8	38			58			78		
19	L4	Qb8	39			59			79		
20	c5	dc	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.26

Group
U18
Round
7
Board
6

WHITE Sodbilegt, N						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Zheng, Haoxuan (Z)						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	bc	Qa5	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc6	Kb8	42			62		
3	d4	cd	23	c6	bc	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Rb1	Ka7	44			64		
5	Nc3	a6	25	Nd8	Qc7	45			65		
6	Bg5	Nbd7	26	Nc6		46			66		
7	Ba4	Qb6	27			47			67		
8	Qc5		28			48			68		
9	Bd5	e6	29			49			69		
10	Re1	ed	30			50			70		
11	Qd	Kd8	31			51			71		
12	Nex	Qd5	32			52			72		
13	cd	Qa5	33			53			73		
14	Qh5	Be7	34			54			74		
15	Nf6	gf	35			55			75		
16	Re7	fg	36			56			76		
17	Qf7	Kc7	37			57			77		
18	Qg7	Rd8	38			58			78		
19	b4	Qb6	39			59			79		
20	c5	dc	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

12:40

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Dato 08.27

Group	B18
Round	7
Board	7

WHITE Lin Hongkuan						FED			RESULT (W)		1
BLACK Ren Yibin						FED			RESULT (B)		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Q5	Rac8	41	Kc5	g5	61		
2	N43	Nc6	22	+3	Rg7	42	bxb6	bxb6	62		
3	d4	cx d4	23	Kt2	h5	43	Bxb6	3f	63		
4	Nxd4	g6	24	Ke3	h4	44	Bb5	Kc8	64		
5	c4	N46	25	Bd1	+5	45	Nxe4	Nxe4	65		
6	Nc3	d6	26	Be2	fxe4	46	B43	Kb7	66		
7	Be2	fxd4	27	fxe4	Rt8	47	d6	Nes	67		
8	Qxd4	Bg7	28	Rt1	Rc8	48	Be2	f3	68		
9	Be3	O-O	29	h3	Nd7	49	Bxb3	Nd5	69		
10	Qd1	Qa5	30	Bd3	Nes	50	gxb3	h3	70		
11	O-O	Be6	31	Nd5	Bxd5	51	g6	Rg7	71		
12	Bd4	Rt8	32	exd5	Rt6	52	d7	h2	72		
13	b3	g6	33	Rt6	exf6	53	d8-c2	4c-f2	73		
14	g4	Nb6	34	Kd4	+5	54	Qb6		74		
15	Bxg7	Rxg7	35	b4	+4	55			75		
16	Qd4	Rg8	36	Be2	Kb6	56			76		
17	Rtb1	Qb4	37	Kc1	Ke7	57			77		
18	Na2	Qc5	38	c5	Kd7	58			78		
19	Qxc5	Nxc5	39	b5	dxc5	59			79		
20	Nc3	Lc7	40	Rxc5	Rxc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Cen			Yibin			70					

B.8-7-7

12:40f

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/27

Group	V
Round	
Board	

WHITE <i>Zhu Hongkuan.</i>						FED		RESULT (W)			
BLACK <i>Ren Jiahai</i>						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21	as	39	41	1e5	35	61		
2	Nf3	Nc6	22	f3	g7	42	ba	ha	62		
3	d4	cd	23	Rf2	h5	43	Rb6	g4	63		
4	Nd4	g6	24	Ke2	h4	44	Bf5	1e8	64		
5	c4	Nf6	25	Bd1	B35	45	h9	Nb2	65		
6	Nc3	db	26	Bc2	fe	46	Rd3	Rb7	66		
7	Bc2	Nd4	27	fe	27	47	de	Neg	67		
8	0-0	R7	28	R1	Rc8	48	re2	f3	68		
9	Bc3	83	29	h3	18	49	B3	N3	69		
10	Qd1	Qc5	30	Bd3	Neg	50	g4	B3	70		
11	0-0	76	31	Nd5	Bd5	51	ad	1e7	71		
12	Bd4	66	32	ed	Rf5	52	57	1R	72		
13	b3	ab	33	Rf5	g	53	28a	11	73		
14	at	51	34	Kd4	f5	54	2h5		74		
15	Bg7	kg7	35	64	f4	55			75		
16	Qd4	kg8	36	Re2	Kf8	56			76		
17	Rf6	Qb4	37	Rc1	14	57			77		
18	Na2	Bc5	38	c5	Ka7	58			78		
19	Qc5	Nc5	39	b5	de	59			79		
20	Nc3	48	40	Rc5	Rc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

B18-7-8
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.27

Group B18
Round 7
Board 8

WHITE Wang, Puxuan						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Kim, Yubin						FED KOR			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Rd8	Kg7	41			61		
2	B3	Nc6	22	Rd1	Qb5	42			62		
3	Bg2	Yb6	23	Nd4	Ld4	43			63		
4	Nc3	Bg7	24	Qd4	Bf5	44			64		
5	E3	a6	25	Kb5	a5	45			65		
6	Nge2	Rb8	26	Qd4	ba3	46			66		
7	d4	Nxb6	27	ab5	Rb5	47			67		
8	O-O	ro	28	bos	b94	48			68		
9	Jc5	Qas	29	Rdb1	Rb1	49			69		
10	Ka4	Rd8	30	Rb1	Rd4	50			70		
11	Bd2	Qc7	31	- C6	Kxb6	51			71		
12	Wc3	db	32	Ab5	Kc3	52			72		
13	Qd5	Rd6	33	Rc5	bd2	53			73		
14	Qc2	b5	34	C7	Bc8	54			74		
15	C5	Rd8	35	ed5		55			75		
16	Nb6	b4	36			56			76		
17	Bb6	Bt6	37			57			77		
18	Kd5	Qb7	38			58			78		
19	Rd1	Bg7	39			59			79		
20	Nb6	Bb6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) 王浦琰			SIGNATURE (BLACK) 金宇彬			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

B18-7-8
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.27

Group U18
Round 7
Board 8

WHITE Wang, Puxuan						FED CHN			RESULT(W) 1		
BLACK Kim, Yubin						FED KOR			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Rd8	Kg7	41			61		
2	B3	Nc6	22	Rd1	Qb5	42			62		
3	Bg2	Yb6	23	Nd4	NKd4	43			63		
4	Nc3	Bg7	24	Exd4	Bf5	44			64		
5	E3	a6	25	Qd3	a5	45			65		
6	Nge2	Rb8	26	Qc4	bxe3	46			66		
7	d4	Nf6	27	Qxg5	Rxb5	47			67		
8	O-O	O-O	28	bxa3	Bg4	48			68		
9	dxc5	Qa5	29	Rdb1	Rd4	49			69		
10	Nag4	Rd8	30	Rxb1	Exd4	50			70		
11	Bd2	Qc7	31	C6	Kf6	51			71		
12	Bc3	d6	32	Rb5	Bc3	52			72		
13	Cxd1	Rxb6	33	Rc4	Bd2	53			73		
14	Qc2	b5	34	C7	Bc8	54			74		
15	C5	Rd8	35	Rd5		55			75		
16	Nb6	b4	36			56			76		
17	Bxf6	Bxf6	37			57			77		
18	Wd5	Qb7	38			58			78		
19	Rd1	Bg7	39			59			79		
20	Nf6+	Bxf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) 王浦琰			SIGNATURE (BLACK) 金宇彬			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

11541
B18-09

WHITE Lucas John wee						FED			RESULT (W) /		
BLACK Yu Zhe						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bb6	Qb6	41	g7	Rg3	61		
2	Nf3	d6	22	Qe5	R27	42	Rc6	Rg7	62		
3	d4	cd	23	Bf5	Qd8	43	Rg7	Rg7	63		
4	Nd4	Nf6	24	Be6	Kh8	44	b4	Kf6	64		
5	Nc3	Nc6	25	Qd8	Rd8	45	b5	Ke7	65		
6	f3	e5	26	Rg4	a5	46	b6	Kd6	66		
7	Nb3	Be6	27	f4	exf4	47	Kd2	h5	67		
8	Be3	Be7	28	Rf4	h6	48	Ke3	h4	68		
9	Qd2	O-O	29	Rhf1	Ra8	49	Kf3	h3	69		
10	O-O	a6	30	Rf7	Rg8	50	Bh3	Kd5	70		
11	g4	b5	31	Kc1	a4	51	b7	Kc6	71		
12	h4	Nd5	32	Rf7	Rd8	52	b8=Q	Kd5	72		
13	Nd5	Qd5	33	Rf7	Rd7	53	Be6+	Kxe6	73		
14	Kb1	b4	34	Rd7	b3	54	Ke4	Kf6	74		
15	Nd5	Nd5	35	c6	a6	55	Qd6+	Kg5	75		
16	e4	Bd7	36	a6	Rb8	56	Qe6	Kh4	76		
17	g4	Bd8	37	Rd3	g5	57	Qg6	Kh3	77		
18	h5	f5	38	h3	Kg7	58	Kf3	Kh2	78		
19	g4	Bf5	39	Bf5	Rb3	59	Qg2#		79		
20	Rd8	Bb6	40	Rd7	Kf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lucas			Yu Zhe			Zhe					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

27 August 2026

Group

Round

Board

11541
B18-09

WHITE Lucas John wee (1816)						FED SGP			RESULT (W) 1		
BLACK Yu Zhe (2024)						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bxb6	Qb6	41	g7	Rg3	61		
2	Nf3	d6	22	Qd5	Ra7	42	Be6	Rxg7	62		
3	d4	cd	23	Bxf5	Qd8	43	Rxg7	Kxg7	63		
4	Nx4	Nf6	24	Be6+	Kh8	44	b4	Kf6	64		
5	Nc3	Nc6	25	Qxd8	Rxd8	45	b5	Ke7	65		
6	f3	e5	26	Rg4	a5	46	b6	Kd6	66		
7	Nb3	Be6	27	f4	exf4	47	Kd2	h5	67		
8	Be3	Be7	28	Rxf4	h6	48	Ke3	h4	68		
9	Qd2	O-O	29	Rhf1	Ra8	49	Kf3	h3	69		
10	O-O	a6	30	Rf7	Rg8	50	Bxh3	Kxd5	70		
11	g4	b5	31	Kc1	a4	51	b7	Kc6	71		
12	h4	Nd5	32	Rd7	Rd8	52	b8=Q	Kd5	72		
13	Nd5	Qd5	33	Rff7	Rd7	53	Be6+	Kxe6	73		
14	Kb1	b4	34	Rxd7	b3	54	Ke4	Kf6	74		
15	Nd5	Nd5	35	cxh3	axb3	55	Qd6+	Kg5	75		
16	e4	Bd7	36	axb3	Rb8	56	Qe6	Kh4	76		
17	g4	Bd8	37	Rxd6	g5	57	Qg6	Kh3	77		
18	h5	f5	38	hxg6	Kg7	58	Kf3	Kh2	78		
19	g4	Bf5	39	Bf5	Rxb3	59	Qg2#		79		
20	Rd8	Bb6	40	Rd7+	Kf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lucas			Yu Zhe			Zhe					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/27 Board 10

Group B18
Round 7

WHITE Hong, Juwon						FED KOR			RESULT (W) 1		
BLACK Munkhzul, Munkhmanlai						FED MGL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	exf6	g5	41			61		
2	c3	Nf6	22	Qg3	Nxf6	42			62		
3	e5	Nd5	23	Rac1	Qa5	43			63		
4	Nf3	e6	24	Nxg8	Kg7	44			64		
5	d4	cxh4	25	Rc7	kg6	45			65		
6	cxh4	Nc6	26	Bc2	Kh6	46			66		
7	Bc4	Nb6	27	Qh3		47			67		
8	Bb3	d6	28			48			68		
9	Qe2	dxg3	29			49			69		
10	dxg3	Nd4	30			50			70		
11	Nxh4	Qxh4	31			51			71		
12	O-O	Nd7	32			52			72		
13	Re1	Bb4	33			53			73		
14	Bd2	Pxh2	34			54			74		
15	Nxh2	Qxb2	35			55			75		
16	Qd3	Qa3	36			56			76		
17	Vc4	Qc5	37			57			77		
18	Nd6	Qxf6	38			58			78		
19	Qf4	f6	39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27 Board 10

Group B18
Round 7

WHITE Hong, Juwon						FED KOR			RESULT (W) 1		
BLACK Munkhmanlai						FED MGL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qg3	Nf6	41			61		
2	c3	Nf6	22	Rc7	Qa5	42			62		
3	e5	Nd5	23	Ne8	kg7	43			63		
4	Nf3	e6	24	Rb7	kg6	44			64		
5	d4	cd	25	Bc2	Kh6	45			65		
6	cd	Nc6	26	Qh3		46			66		
7	Bc4	Nb6	27			47			67		
8	Bb3	d6	28			48			68		
9	Qe2	dxg3	29			49			69		
10	dxg3	Nd4	30			50			70		
11	Nxh4	Qxh4	31			51			71		
12	O-O	Nd7	32			52			72		
13	Re1	Bb4	33			53			73		
14	Bd2	Pxh2	34			54			74		
15	Nxh2	Qxb2	35			55			75		
16	Qd3	Qa3	36			56			76		
17	Nc4	Qc5	37			57			77		
18	Nd6	Qxf6	38			58			78		
19	Qf4	f6	39			59			79		
20	ef	g5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE <i>Tran Thi</i>						FED <i>MUAZ, Muzafar</i>			RESULT (W) <i>1</i>		
BLACK <i>Muhammad Muzafar</i>						FED <i>MUAZ, Muzafar</i>			RESULT (B) <i>0</i>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh4	Rg8	41	Kd2	kg8	61		
2	c4	g6	22	Rgh1	Nf6	42	Ra8	Kg7	62		
3	Nc3	db	23	Bg6	Rg8	43	Neb	Kg6	63		
4	e4	bb	24	Ng1	Nb4	44	Nc7	Kf7	64		
5	f3	Bg7	25	Nh3	Rg7	45	Neb	Kf7	65		
6	Be3	O-O	26	ab	ab	46	Nf8	Kf7	66		
7	Bd3	cr	27	Ne2	Qa7	47	Nh7	Nh7	67		
8	d5	eb	28	Kc1	Qa1	48	Rh7	Kg6	68		
9	Qd2	Ne8	29	Bb1	Ba4	49	Rh7	d5	69		
10	O-O	es	30	Qd3	Bd7	50	Ra6	kg7	70		
11	Ne2	fs	31	Nf4	Ra2	51	Ra6	kg8	71		
12	Rd9	f4	32	Neb	Re7	52	Ra1	Kf8	72		
13	Bf2	aj	33	Nf7	bt	53	Rh8		73		
14	g3	Bh6	34	Nf8	Rg7	54			74		
15	g4	Nb6	35	Nd7	Ra7	55			75		
16	g3	Bd7	36	cb	Ka3	56			76		
17	h4	g5	37	ba	Ra7	57			77		
18	Rh2	Kh8	38	Ra2	Qd4	58			78		
19	Kb1	Qe7	39	Qd4	ce	59			79		
20	hg	Bg6	40	ab	Ra7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>Tran Thi</i>			<i>Mu</i>			<i>[Signature]</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE <i>Cui, Baiwen</i>						FED <i>CHN</i>			RESULT (W) <i>1</i>		
BLACK <i>Muhammad Muzafar</i>						FED <i>BRU</i>			RESULT (B) <i>0</i>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh4	Rg8	41	Kd2	kg8	61		
2	c4	g6	22	Ra1	Nf6	42	Ra8	kg7	62		
3	Nc3	db	23	Bxg5	Rxg5	43	Neb	kg6	63		
4	e4	b6	24	Ng1	Nb4	44	NxRd	kg5	64		
5	f3	Bg7	25	Nh3	Rg7	45	Neb	kg6	65		
6	Be4	O-O	26	axb4	axb4	46	Nf8	kg5	66		
7	Bd3	cs	27	Ne2	Qa7	47	Nxh7	Nh7	67		
8	d5	eb	28	Kc1	Qa1	48	Rxh7	kg6	68		
9	Qd2	Ne8	29	Bb1	Ba4	49	Rh5	d5	69		
10	O-O	es	30	Qd3	Bd7	50	Ra6	kg7	70		
11	Ne2	fs	31	Nf4	Ra2	51	Rxd6	kg8	71		
12	kg1	f4	32	Neb	Ra7	52	Kd7	Kf8	72		
13	Bf2	as	33	Ng5	bs	53	Rh8		73		
14	g5	Bh6	34	Nf8	Rg7	54			74		
15	g4	Na6	35	Nxd7	Rxd7	55			75		
16	a3	Bd7	36	Cxb5	Ra3	56			76		
17	h4	g5	37	bxas	Ba7	57			77		
18	Rh2	Kh8	38	Ra2	Qd4	58			78		
19	Kb1	Qc7	39	Qxd4	Cxd4	59			79		
20	hxg5	Bxg5	40	axb4	Rc7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>Tran Thi</i>			<i>Mu</i>			<i>[Signature]</i>					